

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 - 2023
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Kiên Nhẫn.

2. Ông Trần Văn Bé Hai.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:**
Bà Bùi Thị Phương Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 443/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Hồng T1, sinh năm 1986; địa chỉ ấp T2, xã P1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở hiện nay ấp Y, xã P2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1978; địa chỉ ấp T2, xã P1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Nguyễn Văn M chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 25/9/2006 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 13 năm, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh M hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm và dùng vũ lực đánh đập chị. Mặc dù,

chị và gia đình anh M đã nhiều lần khuyên nhủ anh M để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả dẫn đến mất hạnh phúc. Nên chị dọn đồ ra ngoài, thuê phòng trọ tháng để sinh sống và ly thân với anh M từ tháng 10/2019 đến nay không trở về đoàn tụ.

Trong thời gian sống ly thân, anh M vẫn không sửa đổi tính tình vẫn hay ghen tuông vô cớ. Vì vậy, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, đưa vụ án ra xét xử, anh M nhiều lần đến phòng trọ dùng lời lẽ hăm dọa bắt buộc chị quay về chung sống nhưng chị không đồng ý. Khoảng 21 giờ ngày 05/01/2023, anh M đến phòng chị ở trọ nhìn thấy chị đang nói chuyện với người bạn nam thì anh M khóa cửa ngoài, dùng cây trọt bẻ cửa kính phòng trọ và la lên chị ngoại tình, đang nằm chung mừng với người bạn nam này. Sự việc được Công an xã P1 tiếp nhận xử lý, kết quả không có việc chị quan hệ bất chính. Tiếp đến vào khoảng 21 giờ ngày 18/01/2023, trong lúc chị đang đứng trước cửa phòng trọ, anh M chạy xe vô thẳng phòng trọ dùng lời lẽ khiếm nhã nên chị và anh M xảy ra cự cãi, anh M dùng tay, chân đập phá tài sản và đánh chị. Sự việc được Công an xã P2 tiếp nhận xử lý, kết quả anh M thừa nhận do nghi ngờ vô cớ cho rằng chị có quan hệ bất chính nên đánh chị.

Nay chị nhận thấy, trong khoảng thời gian từ lúc xảy ra mâu thuẫn khi còn chung sống, thời gian sống ly thân cho đến nay, anh M liên tục có hành vi vi phạm tình nghĩa vợ chồng, nhiều lần xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của chị, dùng vũ lực đánh đập chị, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân chị không còn tình cảm vợ chồng, không muốn tiếp tục chung sống với anh M. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh M có với nhau 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đ2, sinh ngày 27/01/2007 và cháu Nguyễn Văn T3, sinh ngày 08/3/2010 hiện các cháu do anh M đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao 02 con cho anh M được trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của con, chị không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản hòa giải ngày 12 tháng 12 năm 2022, ngày 12 tháng 01 năm 2023 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Thông nhất lời trình bày của chị T1 về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng.

Theo yêu cầu khởi kiện, anh có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn, muốn được đoàn tụ vì còn tình cảm với chị T1. Ngoài ra, còn một nguyên nhân khác anh không đồng ý ly hôn là do chị T1 có hành vi ngoại tình với người đàn ông khác xảy ra vào khoảng 21 giờ ngày 05/01/2023 tại phòng trọ chị T1 đang thuê ở. Sự việc được Công an xã P1 tiếp nhận lập biên bản xử lý.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ2 và cháu T3, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Công văn ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Công an xã P1 kèm theo biên bản tiếp nhận nguồn tin ngày 05 tháng 01 năm 2023 người cung cấp nguồn tin ông Lê Phi H, tờ cam kết của anh Dương Minh T4, thể hiện:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 05/01/2023, Công an xã P1 nhận tin báo của ông Lê Phi H (sinh năm 1967, cư ngụ ấp T2, xã P1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long) về việc chị T1 có quan hệ bất chính với người khác tại phòng chị T1 đang thuê trọ (địa chỉ ấp Y, xã P2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long). Đến khoảng 21 giờ 50 phút cùng ngày, lực lượng Công an xã có mặt tại chỗ thuê trọ của chị T1 lập biên bản ghi nhận sự có mặt của anh M và anh Dương Minh T4 (sinh năm 1983, cư ngụ ấp A, xã P3, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, trong tình trạng trên người mặc quần áo đầy đủ), anh M không cung cấp được bằng chứng chứng minh mối quan hệ bất chính giữa chị T1 và anh T4. Nên Công an xã chỉ lập biên bản sự việc anh T4 có mặt tại nơi chị T1 đang sinh sống vào khoảng thời gian trên. Đồng thời, anh T4 viết cam kết không qua lại với chị T1.

Tại Công văn số: 01/CAX ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Công an xã P1 kèm theo biên bản tiếp nhận nguồn tin ngày 18 tháng 01 năm 2023 người cung cấp nguồn tin chị Nguyễn Hồng T1, biên bản ghi lời khai chị Nguyễn Hồng T1 ngày 18 tháng 01 năm 2023, biên bản ghi lời khai anh Nguyễn Văn M ngày 30 tháng 01 năm 2023, thể hiện:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 18/01/2023, Công an xã P2 nhận tin báo của chị T1 với nội dung: Vào khoảng 21 giờ ngày 18/01/2023, trong lúc chị T1 đang đứng trước cửa nhà trọ (địa chỉ ấp Y, xã P2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long) thì anh M chạy xe mô tô lại đi thẳng vô nhà chị T1; sau đó, 02 người có cự cãi qua lại, anh M bắt dây mùng, đập nón bảo hiểm của chị T1, dùng tay bóp cổ, tát vào mặt chị T1 02 cái, dùng chân đạp chị T1 té xuống kênh trước cửa nhà. Sau khi tiếp nhận sự việc, Công an xã P2 mời anh M làm việc, anh M thừa nhận có xô xát làm chị T1 bị té ngã xuống kênh, anh M cam kết không tái phạm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng chị T1 đã chấp hành đúng quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm, riêng anh M không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở nội dung vụ án, lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã được Kiểm sát viên phân tích nhận định, cùng với điều luật viện dẫn đề nghị áp dụng như trong phát biểu. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1, chấp nhận một phần ý kiến đề nghị của anh M giải quyết:

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Cho chị T1 được ly hôn với anh M.

+ Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Giao cháu Đ2 và cháu T3 cho anh M được trực tiếp dưỡng. Ghi nhận ý kiến của anh M không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng cho con. Chị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị T1 phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T1 đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- **Về tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục xét xử: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh M đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh M theo thủ tục chung.

- **Về nội dung:**

[1] Về hôn nhân: Chị T1, anh M là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Năm 2019, xuất phát từ nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh M hay ghen tuông vô cớ, nhiều lần dùng lời lẽ xúc phạm và dùng vũ lực đánh đập chị T1 dẫn đến mất hạnh phúc. Chị T1, anh M có thời gian dài sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay không trở về đoàn tụ. Trong thời gian sống ly thân, ngoài việc dùng lời lẽ ép

buộc đề nghị chị T1 quay về đoàn tụ thì anh M không có động thái tích cực nào khác để hàn gắn tình cảm với chị T1. Trái lại, trong thời gian Tòa án giải quyết, xét xử vụ án, anh M ghen tuông vô cớ cho rằng chị T1 có hành vi ngoại tình, dùng vũ lực đánh đập chị T1 gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Xét nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn làm vợ chồng mất hạnh phúc, lỗi vi phạm nghĩa vụ vợ chồng thuộc về anh M. Do đó, lời trình bày của anh M, không đồng ý ly hôn, muốn được đoàn tụ vì còn tình cảm với chị T1 và cho rằng chị T1 ngoại tình là không có cơ sở. Xét trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị T1 xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn tiếp tục chung sống với anh M. Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, nhận định của Tòa án như trên, đủ cơ sở kết luận hôn nhân giữa chị T1 và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị T1 và anh M.

[2] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị T1 và anh M có với nhau 02 người con chung là cháu Đ2 đã trên 16 tuổi và cháu T3 đã trên 13 tuổi. Xét nguyện vọng của các cháu sau khi cha mẹ ly hôn muốn được chung sống với anh M; chị T1 đồng ý giao, anh M đồng ý nuôi dưỡng 02 cháu, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng cho con. Căn cứ vào Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết: Giao cháu Đ2, cháu T3 cho anh M được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của anh M không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng cho con; chị T1 có quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị T1 phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Hồng T1 với anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Nguyễn Ngọc Đ2, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2007 và cháu Nguyễn Văn T3, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2010 cho anh Nguyễn Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của anh Nguyễn Văn M không yêu cầu chị Nguyễn Hồng T1 cấp dưỡng cho con.

2.3. Chị Nguyễn Hồng T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Hồng T1 phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị T1 đã nộp theo biên lai thu số N_o 0011064 ngày 08 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Nguyễn Hồng T1, vắng mặt anh Nguyễn Văn M. Báo cho chị T1 có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh M vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã S, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân